TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/DS-ST
Ngày: 06-7-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lưu Thị Hừng

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Trần Thị Ngọc Phượng;
2. Ông Hồ Văn Dũng.

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Văn Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Diễm, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 176/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (S2); địa chỉ: 2 N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ Tổng Giám Đ;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Minh S, chức vụ Giám Đốc Chi nhánh A (theo Giấy ủy quyền số 1186/2020/GUQ-PL ngày 07/5/2020 của Tổng Giám Đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S1);

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Minh S là ông Lê Minh T, chức vụ Phó trưởng phòng G (theo Giấy ủy quyền ngày 21/10/2021 của Giám Đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S1 chi nhánh A) (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị T1, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Lê Minh T trình bày:

Ngày 22/10/2020 bà Trần Thị T1 có ký kết Hợp đồng tín dụng số 01183-00491 với Ngân hàng và ngân hàng đã giải ngân cho bà T1 vay số tiền 50.000.000 đồng để bổ sung vốn mua bán rau, hành, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất thỏa thuận là 25,2%/năm. Từ thời điểm vay đến nay bà T1 chỉ trả được số tiền vốn gốc là 18.825.000 đồng và lãi là 830.400 đồng đến ngày 25/12/2020 bà T1 ngưng đóng lãi cho đến nay. Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu bà T1 phải trả số tiền vốn gốc và lãi tạm tính đến ngày 06/7/2022 là 49.125.650 đồng (vốn 31.175.000 đồng và lãi 17.950.650 đồng) cho đến khi thanh toán dứt nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Bị đơn bà Trần Thị T1 vắng mặt trong quá trình tiến hành tố tụng không ghi nhận được ý kiến.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập bị đơn đến làm việc nhưng bị đơn không chấp hành dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, Tòa án Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định đây là vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu:

Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đương sự nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 85, 86 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự việc vắng mặt là tự từ bỏ quyền chứng minh, tranh tụng của mình nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay tạm tính đến ngày 06/7/2022 là 49.125.650 đồng (vốn 31.175.000 đồng và lãi 17.950.650 đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trong quá trình vay, bà T1 chưa thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ phân kỳ mặc dù đã được Ngân hàng yêu cầu thanh toán nhiều lần nhưng chỉ mới thanh toán cho Ngân hàng được vốn gốc là 18.825.000 đồng và lãi là 830.400 đồng. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bà Trần Thị T1 trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1 Về tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ngày 21 tháng 10 năm 2021 Ngân hàng TMCP S1 (S2) có đơn khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị T1 có địa chỉ tại ấp A, xã C, huyện T, tỉnh An Giang thanh toán số tiền vay phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 01183-00491 ngày 22/10/2020. Đây là vụ án phát sinh trên cơ sở tranh chấp hợp đồng dân sự "Hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2022/QĐST-DS ngày 17/6/2022 và mở lại phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn tiếp tục vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Ngày 22/10/2020 Ngân hàng thương mại cổ phần S1 (S2) có ký kết Hợp đồng tín dụng số 01183-00491 cho bà Trần Thị T1 vay số tiền 50.000.000 đồng để bổ sung vốn mua bán rau hành, thời hạn vay 03 tháng chia làm 92 kỳ trả nợ hàng ngày, thời hạn trả hết nợ 22/01/2021, số tiền trả mỗi kỳ là 578.100 đồng, lãi suất thỏa thuận là 25,2%/năm.

Thực hiện hợp đồng, ngày 22/10/2020 nguyên đơn đã giải ngân chuyển giao cho bị đơn đầy đủ số tiền vay 50.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết được bị đơn ký xác nhận tại mục người nhận tiền trong Hợp đồng tín dụng số 01183-00491 ngày 22/10/2020. Xét thấy, Hợp đồng tín dụng được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện; mục đích, hình thức, nội dung hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, các thỏa thuận trong hợp đồng phát sinh hiệu lực và các bên có nghĩa vụ phải thực hiện.

[2.2] Về quyền yêu cầu trả nợ:

Xét thấy, theo hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận vay dưới hình thức trả nợ hàng ngày được phân làm 92 kỳ, thời gian trả nợ bắt đầu từ ngày 23/10/2020 đến ngày 22/01/2021, số tiền trả nợ mỗi kỳ là 578.100 đồng, kỳ cuối phải trả là 568.800 đồng. Bị đơn chỉ trả được nợ gốc số tiền 18.825.000 đồng và lãi là 830.400 đồng. Khi đến hạn trả nợ, Ngân hàng có thực hiện thông báo cho bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không thực hiện. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ khoản nợ đã vay là đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

[2.3] Về lãi suất: Các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng lãi suất vay trong hạn 25,2%/năm.Việc tính lãi theo bảng kê do Ngân hàng lập và nộp gồm tổng cộng vốn và lãi là: 49.125.650 đồng (vốn 31.175.000 đồng và lãi 17.950.650 đồng) là chính xác, đúng với thỏa thuận giữa các bên nên cần chấp nhận yêu cầu

của Ngân hàng đối với số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 06/7/2022 là 49.125.650 đồng.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền được tính đến ngày 06/7/2022 như sau:

+ Về tiền nợ gốc: 31.175.000 đồng;

+ Về tiền nợ lãi trong hạn: 11.967.100 đồng;

+ Về tiền nợ lãi quá hạn: 5.983.550 đồng;

Tổng cộng vốn lãi là: 49.125.650 đồng (bốn mươi chín triệu, một trăm hai mươi lăm ngàn, sáu trăm năm chục đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01183-00491 ngày 22/10/2020 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S1 (S2) với bà Trần Thị T1.

3 Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2005;

Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Khoản 2 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 (S2) đối với bà Trần Thị T1.

Buộc bị đơn bà Trần Thị T1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 (S2) số tiền là 49.125.650 đồng (bốn mươi chín triệu, một trăm hai mươi lăm ngàn, sáu trăm năm chục đồng), trong đó vốn gốc là 31.175.000 đồng và lãi 17.950.650 đồng.

Kể từ tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo

mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01183-00491 ngày 22/10/2020 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 (S2) với bà Trần Thị T1.

2. Về án phí:

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 (S2) số tiền 838.000 đồng (tám trăm ba mươi tám ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 008060 ngày 06/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Bà Trần Thị T1 phải chịu 2.456.000 đồng (hai triệu, bốn trăm năm mươi sáu ngàn đồng) (đã làm tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hừng